

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/ HNGĐ –ST
Ngày : 14/9/2023
Về việc: “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI - TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Minh Quang

Bà Đào Thị Tuyết Mai

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2023/TLST –HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị T, sinh ngày 15/8/1982. (Có mặt).

ĐKTT: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Anh H, sinh ngày 17/4/1979. (Có mặt).

Trú tại: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T trình bày như sau:*

Chị và anh H cưới nhau trên tinh thần tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại vào năm 2002. Quá trình sinh sống có hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H hay cờ bạc không chăm lo cho vợ con nên cả hai đã ly thân tháng 02/2022 cho đến

nay. Nay chị không còn tình cảm và không thể chung sống vợ chồng với anh H được nên chị yêu cầu xin được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là C, sinh ngày 24/10/2008 và V, sinh ngày 31/01/2004. Hiện cháu V đã trưởng thành, cháu C đang sống với chị T, chị T yêu cầu được nuôi cháu C và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh H trình bày:*

Anh và chị T cưới nhau vào năm 2002, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau này thì có phát sinh mâu thuẫn, do anh chơi cờ bạc nhưng sau này anh đã bỏ. Cách 04 tháng trước Tết Nguyên đán thì có chủ nợ ở xã bảo Thạnh, huyện Ba Tri qua nhà đòi tiền anh chơi cờ bạc thua vài triệu đồng nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh có năn nỉ chị T là anh sẽ bỏ nhưng chị T không đồng ý mà về nhà cha mẹ ruột ở xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại sinh sống cho tới nay. Anh có đến nhà vợ để năn nỉ chị T nhiều lần nhưng chị T không tha thứ cho anh, anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là C, sinh ngày 24/10/2008 và V, sinh ngày 31/01/2004. Hiện cháu V đã trưởng thành, cháu C đang sống với anh, nếu Tòa cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu C và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng hạn theo qui định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H; Về con chung: Có 02 con chung là C, sinh ngày 24/10/2008 và V, sinh ngày 31/01/2004. Hiện cháu V đã trưởng thành, chấp nhận cho chị T được nuôi cháu C và

ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh H cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại vào ngày 05/4/2002 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H cờ bạc không lo làm ăn. Anh H thừa nhận do anh có lỗi thua cờ bạc nên vợ anh đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ Tết Nguyên đán cho đến nay, nhưng anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy: Chị T và anh H đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Từ đó cho đến nay, chị T và anh H vẫn không thể hàn gắn được và anh H vẫn chưa có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là C, sinh ngày 24/10/2008 và V, sinh ngày 31/01/2004. Hiện cháu V đã trưởng thành, chị T và anh H đều muốn nuôi con. Tuy nhiên, Tòa án tiến hành lấy ý kiến của C có nguyện vọng sống với mẹ. Vì vậy, yêu cầu của chị T được nuôi cháu C là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị T ly hôn với anh H. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 05/4/2002 của Ủy ban nhân dân xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 con chung là C, sinh ngày 24/10/2008 và V, sinh ngày 31/01/2004. Hiện cháu V đã trưởng thành, chị T được nuôi cháu C và anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002202 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã L;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng